

Số: 1538/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 20 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất, gia công gang tay, quần áo, bao tay bảo hộ y tế và mũ thời trang”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất, gia công gang tay, quần áo, bao tay bảo hộ y tế và mũ thời trang” họp ngày 13/01/2022 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 28/CV-ĐP ngày 21/4/2022, số 55/CV-ĐP ngày 20/6/2022 của Công ty TNHH may xuất khẩu Đại Phát;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 303/TTr-STNMT ngày 30/6/2022, Văn bản số 1831/STNMT-CCBVMT ngày 15/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất, gia công gang tay, quần áo, bao tay bảo hộ y tế và mũ thời trang” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH may xuất khẩu Đại Phát (là Chủ dự án) thực hiện tại Cụm công nghiệp Tây An, thị trấn Tiên Hải, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình với các nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.



Điều 2. Công ty TNHH may xuất khẩu Đại Phát có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan kiểm tra việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Tiền Hải; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan và Giám đốc Công ty TNHH may xuất khẩu Đại Phát chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Văn Hoàn



PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Thông tin về dự án:

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất, gia công găng tay, quần áo, bao tay bảo hộ y tế và mũ thời trang.

- Chủ dự án: Công ty TNHH may xuất khẩu Đại Phát.

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tây An, thị trấn Tiên Hải, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình.

Địa điểm thực hiện dự án: Cụm công nghiệp Tây An, thị trấn Tiên Hải, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình.

- Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

+ Quy mô sản xuất (năm kinh doanh ổn định): Găng tay (y tế) 374.400.000 sản phẩm/năm; quần áo các loại 1.185.600 sản phẩm/năm; mũ thời trang 1.809.600 sản phẩm/năm; áo bảo hộ (y tế) 5.928.000 sản phẩm/năm; bao giầy bảo hộ (y tế) 46.800.000 sản phẩm/năm.

+ Diện tích đất dự kiến: 22.221,4 m² (Trong đó có 166 m² đất quy hoạch đường gom).

- Các hạng mục công trình chính của Dự án: Nhà xưởng sản xuất số 1 (01 tầng): 2.196 m²; nhà xưởng sản xuất số 2 (04 tầng): 6.000 m²; nhà xưởng sản xuất số 3 (01 tầng): 1.032,8 m².

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại từ máy móc, thiết bị phục vụ thi công; tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.

- Trong giai đoạn vận hành: Bụi, tiếng ồn, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sản xuất, bùn thải từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải; chất thải rắn sản xuất; chất thải nguy hại; bụi, khí thải từ lò hơi đốt than; khí thải từ hệ thống xử lý nước thải.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- *Giai đoạn xây dựng:*

+ Nước thải xây dựng khoảng 1,5 m³/ngày đêm.

+ Nước thải sinh hoạt (bao gồm nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng và của công nhân đang sản xuất tại nhà máy) khoảng 14,4 m³/ngày đêm.

- *Giai đoạn vận hành:*

+ Nước thải sinh hoạt khoảng 36,5 m³/ngày đêm

+ Nước thải sản xuất khoảng 172,44 m³/ngày đêm.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- *Giai đoạn xây dựng*: Bụi từ quá trình phá dỡ các công trình hiện có trên phần đất chuyển nhượng tài sản; bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các máy móc, phương tiện, thiết bị thi công xây dựng.

- *Giai đoạn vận hành*: Bụi, khí thải từ hoạt động của phương tiện giao thông, phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu, sản phẩm; nhiệt độ, hơi nước phát sinh từ quá trình sản xuất găng tay; bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi; khí thải từ hệ thống xử lý nước thải.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- *Giai đoạn xây dựng*:

+ Chất thải rắn sinh hoạt (bao gồm chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng và của công nhân đang sản xuất tại dự án đang hoạt động) khoảng 56 - 66 kg/ngày đêm.

+ Chất thải rắn từ quá trình phá dỡ các công trình trên đất khoảng 11.349,79 tấn; chất thải rắn xây dựng gồm gạch vỡ, vữa thải, vỏ bao bì, ni lông... khoảng 13,15 kg/ngày đêm.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của dự án đang hoạt động 20-24 kg/ngày đêm.

- *Giai đoạn hoạt động*:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên khoảng 135,2 - 162,24 kg/ngày đêm

+ Chất thải rắn sản xuất từ quá trình sản xuất găng tay y tế: Sản phẩm hỏng, vỏ thùng đựng hóa chất, các chất phụ gia sử dụng trong sản xuất khoảng 164,05 kg/ngày đêm; chất thải rắn sản xuất từ quá trình sản xuất các sản phẩm may mặc: vải vụn, sản phẩm hỏng, bao bì thải: 180 - 190 kg/ngày đêm; xỉ than từ quá trình vận hành lò hơi: 14,35 tấn/tháng; cặn lắng từ quá trình xử lý khí thải lò hơi: 1,92 kg/ngày đêm; bùn thải dư, vật liệu lọc và vật liệu hấp thụ khí thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: Bùn dư 24,45 kg/ngày đêm, vật liệu lọc thải 5,22 tấn/năm, than hoạt tính thải 0,17 tấn/năm.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- *Giai đoạn xây dựng*:

+ Chất thải nguy hại từ quá trình xây dựng: Giẻ lau dính dầu, dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang thải, vỏ hộp dầu, vỏ hộp sơn với khối lượng phát sinh khoảng 152 kg.

+ Chất thải nguy hại từ nhà máy đang hoạt động: Dầu thải, giẻ lau, găng tay dính dầu, bóng đèn hồng với khối lượng phát sinh khoảng 192 kg.

- *Giai đoạn vận hành*: Bao gồm bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu, dầu thải, khối lượng phát sinh khoảng 384 kg/năm.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- *Giai đoạn xây dựng*:

+ Nước thải sinh hoạt bao gồm nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng và của công nhân đang sản xuất tại dự án đang hoạt động là 14,4 m³/ngày đêm,

được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 25 m³/ngày đêm đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A) sau đó thải ra mương thoát nước hiện có của Cụm công nghiệp Tây An.

Quy trình công nghệ xử lý: Bể gom → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng → mương thoát nước hiện có của Cụm công nghiệp Tây An.

Quy mô các hạng mục công trình: Bể gom kích thước (DxRxH) = 2x2x2,63 (m); bể điều hòa, thiếu khí, hiếu khí, lắng: 04 bể, V = 5m³/bể; bể khử trùng, bể chứa bùn: 02 bể, V = 3 m³/bể.

+ Nước thải xây dựng: Được xử lý bằng hố lắng tạm thời, nước sau khi lắng được tái sử dụng để phun ẩm mặt đường, đập bụi.

- *Giai đoạn vận hành:*

+ Nước mưa chảy tràn: Hệ thống công xây D400, chiều dài 334 m (hiện có) + 170 m (xây mới) chạy xung quanh khu đất, bố trí 8 hố ga (hiện có) + 06 hố ga (xây mới); thoát nước qua 04 cửa xả ra mương thoát nước khu vực.

+ Hệ thống thu gom, xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn, nước thải nhà ăn qua hố ga có song chắn rác sau đó theo đường ống HDPE D200, i = 0,5%, L = 62 m đưa về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Nước thải sản xuất được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung qua đường ống HDPE D200, i= 0,5%, L = 149 m.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 300 m³/ngày đêm theo công nghệ xử lý hóa lý kết hợp sinh học đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A).

+ Quy trình công nghệ xử lý: Bể lắng cát → bể điều hòa → bể phản ứng → bể keo tụ → bể tạo bông → bể lắng hóa lý → bể anoxic → bể sinh học hiếu khí → bể lắng sinh học → bể khử trùng → bồn lọc áp lực → bể chứa nước sau xử lý → tuần hoàn tái sử dụng.

+ Quy mô các hạng mục công trình:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung (kích thước Dài x Rộng x Cao (m)): Bể lắng cát (5,2x1,0x4,3); bể điều hòa (3,3x5,2x4,3); bể phản ứng (2,0x1,0 x 2,3); bể keo tụ (1,95x1,0 x 2,3); bể tạo bông (1,95x1,0 x 2,3); bể lắng hóa lý (4,0x2,0x4,3); bể Anoxic (5,3x2,0x4,0); bể sinh học hiếu khí (7,4x4,5x4,0); bể lắng sinh học (5,5x4,5x4,0); bể khử trùng (4,2x1,25x4,0); 02 bồn lọc áp lực kích thước D1,6 x H2,6 (m)/bồn lọc; bể chứa bùn (5,3x2,55x4,3); bể chứa nước sau xử lý (9,8x4,6x3,6).

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- *Giai đoạn thi công xây dựng:*

Che chắn xung quanh khu vực thi công và phương tiện vận chuyển; kiểm soát phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công; tưới ẩm hạn chế phát sinh bụi khi tháo dỡ công trình và thi công xây dựng.

- Giai đoạn vận hành:

+ Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải của các phương tiện vận chuyển: Kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện vận chuyển định kỳ; thường xuyên vệ sinh, tưới nước đường giao thông nội bộ; tăng cường trồng cây xanh xung quanh nhà máy.

+ Xử lý khí thải quá trình vận hành lò hơi:

Quy trình xử lý: Khí thải → đường ống dẫn → thiết bị lọc bụi → tháp hấp thụ → quạt hút → ống khói.

Thông số các hạng mục của hệ thống xử lý khí thải: Thiết bị lọc bụi kích thước dài x rộng x cao (m): 2,42 x 1,62 x 4,23; tháp hấp thụ kích thước D2,1 x H11,5(m), ống khói D1 x H15(m); bể chứa dung dịch hấp thụ kích thước dài x rộng x cao (m): 2x1x1.

+ Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải (công suất 2.800 m³/giờ):

Quy trình xử lý: Khí mùi → tháp xử lý khí → thoát ra môi trường.

Kích thước hạng mục xử lý gồm: Tháp xử lý mùi kích thước D x H = 1,0x2,5 (m), làm bằng thép inox SUS 304, dày 2mm.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, hợp đồng với đội vệ sinh môi trường địa phương vận chuyển, xử lý; chất thải rắn phát sinh quá trình phá dỡ được phân loại: Sắt thép để bán tái chế, còn gạch, vữa, bê tông sẽ được tiến hành vận chuyển đến khu vực được phép đổ thải và có thỏa thuận với đơn vị quản lý nơi đổ thải; chất thải rắn xây dựng thu gom, tập kết tại khu đất dự án, như: Gạch vỡ, cát, sỏi, đá sẽ được tái sử dụng làm nền móng; vật liệu như sắt thép vụn, tấm tôn, vỏ bao xi măng, cốp pha hỏng được thu gom, bán tái chế; phần còn lại không tái sử dụng được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom, phân loại vào các thùng chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Thu gom, phân loại, lưu giữ tại khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp diện tích 166,8 m²; sản phẩm hỏng thải loại, cặn thải từ quá trình rửa khuôn phát sinh từ quá trình sản xuất gang tay y tế: Hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển, xử lý; vỏ bao bì đựng hóa chất, phụ gia: Trả lại đơn vị cung cấp hóa chất; chất thải phát sinh từ quá trình sản xuất các sản phẩm may: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu mua, xử lý; xỉ than hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu mua, xử lý; bùn thải, vật liệu lọc, than hoạt tính thải từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn xây dựng:

Thực hiện thu gom, lưu giữ, xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Giai đoạn vận hành:*

Chất thải nguy hại được thu gom, lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 20m², chiều cao 3m; kho lưu giữ thiết kế bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

- 02 hệ thống xử lý khí thải: 01 hệ thống xử lý khí thải tại khu vực trạm xử lý nước thải; 01 hệ thống xử lý khí thải lò hơi đốt than;

- 01 trạm xử lý nước thải công suất 25 m³/ngày đêm (hoạt động đến khi trạm xử lý nước thải tập trung 300 m³/ngày đêm đi vào hoạt động chính thức); 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày đêm;

- 01 khu lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 20m²;

- 01 khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp diện tích 166,8 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Giai đoạn xây dựng:

- Thực hiện quản lý, giám sát vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo đạt cột A giá trị C QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Thực hiện giám sát chất thải rắn: Về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại phát sinh tại công trường.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

- Thực hiện quản lý, giám sát vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt cột A giá trị C QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý.

5.3. Giai đoạn vận hành:

- Thực hiện giám sát việc rò rỉ nước thải trong quá trình sản xuất ra ngoài môi trường trong suốt quá trình vận hành dự án.

- Thực hiện quản lý, giám sát vận hành hệ thống xử lý khí thải lò hơi đốt than, xử lý mùi từ trạm xử lý nước thải đảm bảo đạt cột B QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

Lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho Dự án để được cấp Giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

H
T
H
H